

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2023
V/v “T/c Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Bảo

Bà Nguyễn Thị Quế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2022/TLST- HNGĐ ngày 24/10/2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V. Sinh năm 1982. Địa chỉ: xóm 1 (nay là xóm Quang Sứ), xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Xuân T. Sinh năm 1978. Địa chỉ: xóm 1 (nay là xóm Quang Sứ), xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở Đài Loan. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị G, ông Lê Xuân Đ. Địa chỉ: Xóm Quang Sứ, xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/08/2022, bản tự khai chị Trần Thị V trình bày: Chị và anh Lê Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký

kết hôn tại UBND xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/05/1999. Sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng về sống tại nhà chồng được khoảng ba năm. Từ năm 2003, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên năm 2008 chị V đi xuất khẩu tại Đài Loan, chồng và 02 con ở nhà với ông bà nội. Đến năm 2012 chồng chị là anh T đi xuất khẩu tại Đài Loan và gửi 02 con cho ông bà nội là bà G, ông Đ trông nom, chăm sóc. Từ năm 2012 trở đi, hai vợ chồng ít liên lạc với nhau, anh T không quan tâm đến chị V, có nhiều lời lẽ xúc phạm đến chị V. Sau những lần mâu thuẫn anh T thường xuyên đe dọa chị, gây ức chế tâm lý sợ hãi trong thời gian dài, chị V cảm thấy cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, bế tắc. Hiện tại chị V và anh T không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung nên chị V làm đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Lê Xuân T. Về con chung: Chị V và anh T có 2 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 11/11/1999; cháu Lê Trần C sinh ngày 02/11/2002 đều trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Lê Xuân T: Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Công văn đề nghị gia đình anh T cung cấp thông tin, địa chỉ của anh T ở nước ngoài, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tiến hành xác minh đối với người thân của anh T. Theo đơn xin trình bày đề ngày 18/11/2022 của chị Trần Thị V, bản sao sổ hộ khẩu có tên anh Lê Xuân T và các biên bản tổng đạt thì anh Lê Xuân T có hộ khẩu tại xóm 1, xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, hiện không có mặt tại địa phương và đi xuất khẩu tại Đài Loan

Bố mẹ của anh Lê Xuân T là bà Trần Thị G, ông Lê Xuân Đ và anh trai của anh Lê Xuân T là anh Lê Xuân Long cho biết: Anh T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ năm 2012, anh T thường xuyên liên lạc về với gia đình bằng điện thoại và ứng dụng mạng xã hội Zalo để hỏi thăm sức khỏe, việc gia đình. Gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý và văn bản của Tòa án yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ của anh T, tuy nhiên anh T không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hoặc làm việc của anh T cho gia đình nên cả anh Long, bà G, ông Đ đều không biết địa chỉ hiện tại của anh Khang ở đâu để cung cấp cho Tòa. Năm 1999, chị V và anh T kết hôn với nhau. Năm 2008, chị V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2012 anh T đi xuất khẩu tại Đài Loan. Hai con của chị V và anh Thanh là cháu Đức A và cháu Trần C ở với ông, bà từ nhỏ. Từ khi hai vợ chồng đi, ông bà

là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Tuy nhiên, ông bà không yêu cầu hai vợ chồng anh T, chị V trả tiền công chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu A C. Về việc ly hôn của chị V, anh Khang ông bà không can thiệp và đề nghị Tòa án không triệu tập ông bà tham gia giải quyết vụ án. Nếu triệu tập ông bà xin vắng mặt tại buổi xét xử. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V; về con chung cả hai cháu đã trên 18 tuổi, chị V cũng không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét; về tài sản: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Xuân T có địa chỉ cư trú tại xóm 1, xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Xuân T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản cho ông Lê Xuân Đ, bà Trần Thị G (bố, mẹ anh T) anh Lê Xuân Long (là anh trai của anh T), đề nghị ông Đ, bà G, anh Long thông báo cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị V. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định hoãn phiên tòa, tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài và yêu cầu cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan nhưng anh Long, ông Đ, bà G không cung cấp được. Theo xác nhận của địa phương, tài liệu có trong hồ sơ, đơn trình bày của anh Lê Xuân Long và xác minh tại nhà bà Trần Thị G, ông Lê Xuân Đ là bố mẹ đẻ của anh Lê Xuân T thì anh Lê Xuân T có hộ khẩu tại xóm 1, xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh

Nghệ An đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần đối với anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị G, ông Lê Xuân Đ có nguyện vọng xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa (theo biên bản xác minh ngày 29/11/2022, bút lục 29). Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, chị V và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã ND, huyện ND, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/05/1999. Sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng về sống tại nhà chồng được khoảng ba năm. Từ năm 2003, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên năm 2008 chị V đi xuất khẩu tại Đài Loan. Đến năm 2012 chồng chị là anh T cũng đi xuất khẩu tại Đài Loan và gửi 02 con cho ông bà nội là bà G, ông Đ trông nom, chăm sóc. Từ năm 2012 trở đi, hai vợ chồng ít liên lạc với nhau, anh T không quan tâm đến chị V, có nhiều lời lẽ xúc phạm đến chị V. Sau những lần mâu thuẫn anh T thường xuyên đe dọa chị, gây ức chế tâm lý sợ hãi trong thời gian dài, chị V cảm thấy cuộc sống chung càng ngày càng căng thẳng, bế tắc. Hiện tại chị V và anh T không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung nên chị V làm đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Lê Xuân T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị V. Căn cứ khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho anh chị Trần Thị V và anh Lê Xuân T được ly hôn.

[3.2] Về con chung: Chị V và anh T có 2 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 11/11/1999; cháu Lê Trần C sinh ngày 02/11/2002 hiện nay đều trên 18 tuổi và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đối với công chăm sóc hai cháu Đức A và Trần C của bà Trần Thị G, ông Lê Xuân Đ, do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Hiện tại chị Trần Thị V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lê Xuân T cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: chị Trần Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị V.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V được ly hôn với anh Lê Xuân T.

[2] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012206 ngày 17/10/2022.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Chị Trần Thị V, bà Trần Thị G, ông Lê Xuân Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ

An;

- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Cường